TOÀ PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 253/2025/DS-PT
Ngày: 15/12/2025
"V/v tranh chấp thừa kế và hủy quyết định cá biệt"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trọng Đoàn;

Ông Nguyễn Nam Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Nhạn, Thư ký Tòa Phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao: Bà Phan Diệu Nhân, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 12 năm 2025, tại Trụ sở Tòa Phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Hà Nội, mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 40/2025/TLPT-DS ngày 09 tháng 10 năm 2025 về "Tranh chấp thừa kế và huỷ quyết định cá biệt''. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2025/DS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6407/2025/QĐ-PT ngày 13 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Thái Duy L, sinh năm: 1952; nơi cư trú: Xóm F, xã Q, tỉnh Nghệ An (trước khi sáp nhập là: Xóm F, xã X, huyện Y, tỉnh Nghệ An); có mặt.

2. Bị đơn: Ông Thái Duy T, sinh năm: 1960; nơi cư trú: Xóm L, xã Q, tỉnh Nghệ An (trước khi sáp nhập là: Xóm G, xã X, huyện Y, tỉnh Nghệ An); vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Anh Thái Duy T1, sinh năm: 1989; nơi cư trú: Xóm L, xã Q, tỉnh Nghệ An (trước khi sáp nhập là: Xóm G, xã X, huyện Y, tỉnh Nghệ An); có mặt.

+ Bà Lê Thị Kim S, sinh năm: 1977; nơi cư trú: Tổ A, khối Đ, phường T, tỉnh Nghệ An (trước khi sáp nhập là: Tổ A, khối Đ, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An); có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Thái Thị L1, sinh năm: 1939; nơi cư trú: K, xã Y, tỉnh Nghệ An (trước khi sáp nhập là: K, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Nghệ An); vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Thái Duy L, sinh năm: 1952; nơi cư trú: Xóm F, xã Q, tỉnh Nghệ An (trước khi sáp nhập là: Xóm F, xã X, huyện Y, tỉnh Nghệ An); có mặt.

3.2. Ông Thái Duy T2, sinh năm: 1945; nơi cư trú: K, xã Y, tỉnh Nghệ An (trước khi sáp nhập là: K, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Nghệ An); vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Thái Duy L, sinh năm: 1952; nơi cư trú: Xóm F, xã Q, tỉnh Nghệ An (trước khi sáp nhập là: Xóm F, xã X, huyện Y, tỉnh Nghệ An); có mặt.

3.3. Bà Thái Thị T3, sinh năm: 1946; vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: Anh Thái Duy T1, sinh năm: 1989; nơi cư trú: Xóm L, xã Q, tỉnh Nghệ An (trước khi sáp nhập là: Xóm G, xã X, huyện Y, tỉnh Nghệ An); có mặt.

3.4. Bà Phan Thị K, sinh năm: 1965; có mặt.

3.5. Anh Thái Duy T1, sinh năm: 1989; có mặt.

Cùng có nơi cư trú: Xóm L, xã Q, tỉnh Nghệ An (trước khi sáp nhập là: Xóm G, xã X, huyện Y, tỉnh Nghệ An).

3.6. Chị Thái Thị T4, sinh năm: 1994; nơi cư trú: Xóm M, xã Q, tỉnh Nghệ An (trước khi sáp nhập là: Xóm D, xã X, huyện Y, tỉnh Nghệ An); vắng mặt.

3.7. Chị Thái Thị T5, sinh năm: 1992; nơi cư trú: Xóm T, xã Q, tỉnh Nghệ An (trước khi sáp nhập là: Xóm A, xã X, huyện Y, tỉnh Nghệ An); vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Thái Thị T4 *và* Thái Thị T5*:* Anh Thái Duy T1, sinh năm: 1989; Xóm L, xã Q, tỉnh Nghệ An (trước khi sáp nhập là: Xóm G, xã X, huyện Y, tỉnh Nghệ An); có mặt.

3.8. Chị Thái Thị T6, sinh năm: 1997; nơi cư trú: Xóm N, xã Y, tỉnh Nghệ An (trước khi sáp nhập là: Xóm N, xã N, huyện Y, tỉnh Nghệ An); vắng mặt.

3.9. Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Nghệ An (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Nghệ An).

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đặng Thị D, Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND xã Q*:* Ông Cao Xuân T7, Phó Chủ tịch; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Thái Duy T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của Toà án cấp sơ thẩm, nội dung kháng cáo như sau:

- *Nguyên đơn ông Thái Duy L trình bày:*

Cha mẹ đẻ ông là cụ Thái Duy Đ (sinh năm 1906, chết năm 1978), cụ Thái Thị C (sinh năm 1917, chết năm 2018), các cụ không có con riêng, con nuôi, cha mẹ của các cụ đều chết trước các cụ. Hàng thừa kế thứ nhất của các cụ gồm có: Bà Thái Thị L1, ông Thái Duy T2, bà Thái Thị T3, ông Thái Duy L, ông Thái Duy T.

Khi còn sống, các cụ tạo lập được 01 ngôi nhà và 01 thửa đất tại xóm F, xã X, huyện Y, tỉnh Nghệ An (nay là xóm F, xã Q, tỉnh Nghệ An). Theo bản đồ 299 là thửa đất số 150, diện tích 340m^2, nay là thửa đất số 280, tờ bản đồ địa chính số 17, diện tích đo đạc theo hiện trạng là 325,2m^2. Năm 1978 cụ Đ chết không để lại di chúc, cụ C tiếp tục sống trên đất cùng với các con, sau này bà L1, ông T2, bà T3, ông L lập gia đình thì ra ở riêng, ông T là con út nên lấy vợ và ở cùng với cụ C trên thửa đất. Năm 1993, ông T tự động dựng nhà và làm đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) mà cụ C và các con không ai biết. Năm 2013, các anh em ông trừ vợ chồng ông T cùng với cụ C đã tổ chức họp để phân chia tài sản của cụ Đ, cụ C sau khi chết, sau khi họp tất cả thống nhất chia đôi diện tích đất 280m^2 của cha mẹ thành hai phần, mỗi phần 140m^2, một nửa diện tích nơi có hai gian nhà của cha mẹ ở trên đó để làm nhà thờ, nửa diện tích còn lại cho vợ chồng ông T, bà K. Trước lúc chết ngày 25/9/2015, cụ C đã lập di chúc bằng văn bản với nội dung "Bà C có 280m^2 đất, bà quyết định để lại 02 gian nhà và 140m^2 làm nhà thờ cúng, còn 140m^2 cho vợ chồng ông L và bà K". Sau khi chết ông và ông L, bà L1, bà T3 đã yêu cầu vợ chồng ông T, bà K giao lại ngôi nhà và diện tích đất 140m^2 để làm nơi thờ cúng nhưng vợ chồng ông T không nhất trí và cho rằng đất đó là đất của vợ chồng ông T.

Vì vậy, ông có đơn khởi kiện yêu cầu: Hủy một phần GCNQSDĐ, số phát hành I 129821 do Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện Y cấp ngày 12/4/1995 mang tên Thái T; đề nghị phân chia quyền sử dụng đất, nhà ở theo di chúc và di nguyện của cụ Thái Thị C, để lại phần diện tích 140m^2 và ngôi nhà 02 gian trên đất để làm nơi thờ cúng, phần diện tích còn lại để cho vợ chồng ông Thái Duy T và bà Phạm Thị K1 được quyền sử dụng.

- Bị đơn ông Thái Duy T trình bày:

Thống nhất về quan hệ huyết thống, thời điểm chết của cha mẹ đẻ; về con chung, con riêng, con nuôi của cha mẹ như ông Thái Duy L trình bày.

Diện tích thửa đất tranh chấp có nguồn gốc là của cha mẹ ông để lại. Ông lập gia đình năm 1988 là chủ hộ, các nhân khẩu trong hộ gia đình ông có ông Thái Duy T, bà Phan Thị K (vợ), cụ Thái Thị C (mẹ) và các con gồm Thái Duy T1, Thái Thị T5, Thái Thị T4 và Thái Thị T6. Năm 1993, UBND xã X cử đại diện đi đến từng hộ gia đình để làm thủ tục cấp GCNQSDĐ, lúc đó cụ Thái Thị C còn sống đã ký vào các giấy tờ, sổ sách để cấp sổ cho ông. Sau đó, UBND huyện Y đã cấp GCNQSDĐ, số phát hành I 129821 ngày 12/4/1995 mang tên Thái T. Cho đến khoảng năm 2013, mẹ ông mới tách khẩu ra riêng để được hưởng các chế độ của Nhà nước. Lúc cha mẹ còn sống, trên đất có tạo lập được 02 gian nhà, mẹ ông sống trên đó đến lúc chết. Vợ chồng ông đã tạo lập được 03 gian nhà lớn, 02 gian nhà đựng đồ tổng hợp, 02 gian nhà bếp trên phần diện tích đất còn lại. Ngoài ra

vợ chồng ông còn cơi nới đất, làm tăng giá trị của đất từng năm.

Đất đai khi còn sống mẹ đã cho ông, nhà cửa là do vợ chồng ông tạo lập nên ông không đồng ý chia đất để làm nhà thờ và không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thái Duy T2, bà Thái Thị T3 và bà Thái Thị L1 trình bày:

Các ông, bà thống nhất lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn về quan hệ huyết thống, thời điểm chết của cha mẹ đẻ; về con chung, con riêng, con nuôi của cha mẹ. Thừa nhận cụ Thái Duy Đ chết không để lại di chúc, di sản cha mẹ để lại là nhà ở và thửa đất tại xóm F, xã X, huyện Y, tỉnh Nghệ An (nay là xóm F, xã Q, tỉnh Nghệ An) như ông Thái Duy L trình bày. Các ông bà đồng ý chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại theo di chúc và di nguyện của mẹ, yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế của mình bằng hiện vật, đồng thời giao lại phần thừa kế của mình cho ông Thái Duy L nhận để làm nơi thờ cúng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị K và anh Thái Duy T1 thống nhất trình bày:

Thống nhất về quan hệ huyết thống, thời điểm chết của cụ Thái Duy Đ, cụ Thái Thị C, về con chung, con riêng, con nuôi như ông Thái Duy L và ông Thái Duy T trình bày. Thống nhất với trình bày của ông Thái Duy T về quá trình cấp GCNQSDĐ mang tên ông Thái T và xác nhận thửa đất được cấp GCNQSDĐ khi cụ Thái Thị C còn sống đã cho vợ chồng ông Thái Duy T. Đối với tài sản trên đất bao gồm 03 gian nhà lớn, 02 gian nhà đựng đồ tổng hợp, 02 gian nhà bếp là do vợ chồng ông Thái Duy T tạo lập. Do đó không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Thái Duy L. Quá trình chung sống bà K và anh T1 có công sức trong việc quản lý, sử dụng thửa đất đã cấp GCNQSDĐ cho vợ chồng ông Thái Duy T để có hiện trạng như hiện nay nên yêu cầu được trích trả công sức cho các đóng góp của mình.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Thái Thị T6, chị Thái Thị T4, chị Thái Thị T5 thống nhất trình bày:

Thống nhất về quan hệ huyết thống, thời điểm chết của cụ Thái Duy Đ, cụ Thái Thị C, về con chung, con riêng, con nuôi như ông Thái Duy L và ông Thái Duy T trình bày. Thống nhất với trình bày của ông Thái Duy T về quá trình cấp GCNQSDĐ mang tên ông Thái T và xác nhận thửa đất này khi còn sống cụ Thái Thị C đã cho vợ chồng ông Thái Duy T. Đối với tài sản trên đất bao gồm 03 gian nhà lớn, 02 gian nhà đựng đồ tổng hợp, 02 gian nhà bếp là do vợ chồng ông Thái Duy T tạo lập. Do đó, các anh chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Thái Duy L, đề nghị bảo vệ quyền lợi cho cha mẹ. Quá trình chung sống với cha mẹ, các chị không có công sức trong việc quản lý, sử dụng thửa đất của cha mẹ nên không có yêu cầu gì.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2025/DS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 35, 34, 39, 147, 157, 165; khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 30, 193 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; các Điều 117, 123, 131, 609, 611, 612, 613, 623, 627, 628, 630, 631, 633, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; Án lệ số 26/2018/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2018, được công bố theo Quyết định số 269/QĐ-CA ngày 06/11/2018 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành I 129821 do UBND huyện Y cấp ngày 12/4/1995 cho ông Thái T (Thái Duy T) đối với thửa đất số 280, tờ bản đồ địa chính số 17 tại xóm F, xã X, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

+ Giao cho ông Thái Duy L được quyền sử dụng đối với diện tích đất là 111,5m^2 (trong đó có 99,9m^2 đất ở nông thôn và 11,6m^2 đất vườn) thuộc một phần thửa đất số 280, tờ bản đồ địa chính số 17 tại xóm F, xã X, huyện Y, tỉnh Nghệ An, được xác định bởi các điểm: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 1 thể hiện tại sơ đồ kèm theo bản án. Ông Thái Duy L được quyền sở hữu toàn bộ tài sản là vật kiến trúc tại diện tích đất được giao nêu trên, gồm: 01 nhà ở có giá trị 4.940.000 đồng.

+ Ông Thái Duy L có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Thái Duy T số tiền là 2.470.000đ (hai triệu bốn trăm bảy mười nghìn đồng).

+ Ông Thái Duy T được quyền sử dụng diện tích đất 213,7m^2 (trong đó có 99,9m^2 đất ở nông thôn và 113,9m^2 đất vườn) thuộc một phần thửa đất số 280, tờ bản đồ địa chính số 17 tại xóm F, xã X, huyện Y, tỉnh Nghệ An (có tứ cận: phía Bắc giáp thửa đất số 244, phía Đông giáp thửa đất số 281 tờ bản đồ số 17, phía Nam một phần giáp phần đất được chia cho ông Thái Duy L, một phần giáp đường đi, phía Tây giáp đường đi), được thể hiện tại sơ đồ kèm theo bản án.

+ Ông Thái Duy T có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Thái Duy L số tiền là 12.875.000đ (mười hai triệu tám trăm bảy mươi lăm đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 05/4/2025, bị đơn ông Thái Duy T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Những người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Thái Duy T giữ nguyên đơn kháng cáo và trình bày:

Năm 1991, sau khi cha chết được một thời gian thì gia đình tổ chức cuộc họp, ông Thái Duy T2 đã dỡ ngôi nhà ngói 05 gian đưa về dựng trên đất ở của mình để làm nơi thờ cúng, trên đất lúc này còn 01 ngôi nhà tranh của cha mẹ thì đã sụp đổ, sau đó vợ chồng ông Thái Duy T đã dựng lại nhà mới và xây dựng các công trình khác để ở nên các tài sản trên thửa đất tranh chấp không phải là di sản thừa kế của cha mẹ. Khi còn sống thì mẹ và vợ chồng ông Thái Duy T đã góp tiền

để mua cho ông Thái Duy L 01 thửa đất kèm theo nhà ở và các tài sản có giá trị khác như bò, xe lốp, xe đạp, quày lúa (thửa đất này ông Thái Duy L đang sinh sống), còn thửa đất đang tranh chấp lúc đó cả gia đình đã đồng ý chia cho vợ chồng ông Thái Duy T ở để chăm sóc nuôi mẹ. Như vậy, phần đất của cha đã được phân chia cho ông Thái Duy T vào năm 1991 (khi cha chết thì đất đang thuộc quyền quản lý của Nhà nước, không giao cho dân). Năm 1995, UBND huyện Y đã cấp GCNQSDĐ cho vợ chồng ông Thái Duy T là cấp đồng loạt trên cơ sở hồ sơ đất có tên của người đang sử dụng, trong tất cả các hồ sơ qua các thời kỳ đều thể hiện quyền sử dụng của vợ chồng ông Thái Duy T. Khi UBND xã lập hồ sơ cho đến khi UBND huyện cấp GCNQSDĐ cho vợ chồng ông Thái Duy T thì mẹ và các anh em trong gia đình đều biết và không có ý kiến gì. Như vậy, phần đất của mẹ được xác định là đã tặng cho vợ chồng ông Thái Duy T khi còn đang còn minh mẫn, khoẻ mạnh. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Thái Duy T, không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông Thái Duy L và sửa bản án sơ thẩm. Trường hợp Hội đồng xét xử vẫn phân chia thừa kế thì đề nghị giao toàn bộ diện tích thửa đất cho gia đình ông Thái Duy T sử dụng, gia đình ông Thái Duy T sẽ thanh toán giá trị đất cho ông Thái Duy L và các thừa kế khác vì đây là đất ở tại nông thôn, diện tích thửa đất là nhỏ, trên đất đã có kín các công trình xây dựng của ông Thái Duy T nên việc phân chai đất là không phù hợp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị K trình bày:

Nhất trí với ý kiến trình bày của những người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Thái Duy T; đề nghị Hội đồng xét chấp nhận.

- Nguyên đơn ông Thái Duy L trình bày:

Không đồng ý với nội dung kháng cáo của ông Thái Duy T và trình bày của những người đại diện của ông Thái Duy T tại phiên toà phúc thẩm. Không đồng ý việc giao đất cho ông Thái Duy T sử dụng và nhận lại tiền như đề nghị của những người đại diện của ông Thái Duy T tại phiên toà phúc thẩm. Ông và các anh em thừa kế khác không tranh chấp đất cho riêng mình mà chỉ làm theo di nguyện của mẹ là lấy một phần đất để làm nơi thờ cúng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo pháp luật.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, có quan điểm:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của bị đơn ông Thái Duy T là trong thời hạn, đúng quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự và người kháng cáo thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông Thái Duy T; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Thái Duy T là trong thời hạn, đúng quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự và người kháng cáo là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên được chấp nhận hợp lệ để xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm vắng mặt một số đương sự nhưng trong đó có người đã uỷ quyền cho người khác tham gia phiên toà, những người khác đã được triệu tập hợp lệ lần 02 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Trên cơ sở đề nghị của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Bản án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An là đúng theo quy định tại khoản 9 Điều 26, khoản 4 Điều 34, Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính và Điều 155 Bộ luật Dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ lời trình bày và thống nhất của các đương sự cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định:

- Cụ Thái Duy Đ (sinh năm 1906, chết năm 1978 không để lại di chúc) và cụ Thái Thị C (sinh năm 1917, chết năm 2018 có để lại Di chúc) là vợ chồng. Các cụ có con chung gồm: Bà Thái Thị L1, sinh năm 1939; ông Thái Duy T2, sinh năm 1945; bà Thái Thị T3, sinh năm 1946; ông Thái Duy L, sinh năm 1952; ông Thái Duy T, sinh năm 1960 và các cụ không có con nuôi, con riêng nào khác. Trong thời gian chung sống, các cụ tạo lập được khối tài sản gồm: 01 nhà ở trước nhà bếp được lợp bằng ngói Tây và thửa đất số 280, tờ bản đồ số 17, diện tích đo đạc theo bản đồ địa chính 340m^2 (theo hiện trạng là 325,2m^2) tại xóm F, xã X, huyện Y, tỉnh Nghệ An (nay là xóm F, xã Q, tỉnh Nghệ An); đã được UBND huyện Y, tỉnh Nghệ An cấp GCNQSDĐ, số phát hành I 129821 ngày 12/4/1995 mang tên ông Thái T. Cụ Thái Duy Đ và cụ Thái Thị C cùng con cái sinh sống tại nhà trên thửa đất này cho đến khi bốn người con lớn lập gia đình ra ở riêng, còn vợ chồng con út là ông Thái Duy T sống cùng cụ Thái Thị C cho đến khi cụ Thái Thị C chết. Do đó, Bản án sơ thẩm xác định tài sản chung và hàng thừa kế thứ nhất của cụ Thái Duy Đ và cụ Thái Thị C là có căn cứ pháp luật.

- Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Thái Duy L giao nộp Di chúc cụ Thái Thị C lập ngày 25/9/2015 Ất Mùi, có nội dung: Về đất ở có 280m^2, cho con út Thái Duy T: 140m^2 còn lại 140m^2 và 02 gian nhà ngang sau này cụ qua đời thì lưu lại cho các con có nơi hương khói. Tuy nhiên, về hình thức, đây là di chúc bằng văn bản nhưng không có chữ viết và chữ ký của cụ Thái Thị C, chỉ có một

dấu điểm chỉ vân tay không xác định được của ai, di chúc không có người làm chứng, không được công chứng, chứng thực của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; nội dung của di chúc ghi cụ Thái Thị C định đoạt tài sản là thổ cư đất ở và 02 gian nhà ngang nhưng không xác định được phần diện tích đất và tài sản định đoạt có vị trí, tứ cận, thuộc thửa đất và tờ bản đồ nào, diện tích đất định đoạt trong di chúc không phù hợp với diện tích thực tế của thửa đất, di chúc có 02 màu mực. Như vậy, Di chúc lập ngày 25/9/2015 Ất Mùi của cụ Thái Thị C là vi phạm cả về hình thức và nội dung nên bản án sơ thẩm xác định di chúc không có hiệu lực pháp luật là có cơ sở.

- Bị đơn ông Thái Duy T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị K trình bày 01 ngôi nhà ở trên thửa đất tranh chấp không phải là di sản của cha mẹ. Tuy nhiên, theo kết quả thẩm định của Toà án cấp sơ thẩm thực hiện, xác định 01 ngôi nhà ở có trên thửa đất tranh chấp là tài sản chung của cụ Thái Duy Đ và cụ Thái Thị C tạo lập khi còn sống.

- Bị đơn ông Thái Duy T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị K trình bày toàn bộ diện tích thửa đất số 280, tờ bản đồ số 17 tại xóm F, xã X, huyện Y, tỉnh Nghệ An đã được định đoạt không còn là di sản thừa kế vì phần đất của cụ Thái Duy Đ đã được anh em trong gia đình phân chia cho ông Thái Duy T vào năm 1991; phần đất của cụ Thái Thị C đã được cụ Thái Thị C cho vợ chồng ông Thái Duy T khi còn sống, năm 1993 khi UBND xã X cử đại diện đi đến từng hộ gia đình để làm thủ tục cấp GCNQSDĐ thì cụ Thái Thị C đã ký vào các giấy tờ, sổ sách để cấp GCNQSDĐ cho ông Thái Duy T. Tuy nhiên, ông Thái Duy T và bà Phan Thị K không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc cụ Thái Duy Đ và cụ Thái Thị C đã cho tặng đất nên không có cơ sở chấp nhận.

- Do đó, bản án sơ thẩm xác định di sản của cụ Thái Duy Đ và cụ Thái Thị C chết để lại, chưa được định đoạt cho ai, gồm: 01 nhà ở trước nhà bếp được lợp bằng ngói Tây và toàn bộ diện tích thửa đất số 280, tờ bản đồ địa chính số 17, diện tích đo đạc theo hiện trạng thực tế là 325,2m^2 tại xóm F, xã X, huyện Y, tỉnh Nghệ An (nay là xóm F, xã Q, tỉnh Nghệ An) và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia thừa kế là có căn cứ pháp luật.

[2.2] Do thửa đất số 280, tờ bản đồ địa chính số 17, diện tích đo đạc theo hiện trạng thực tế là 325,2m^2 tại xóm F, xã X, huyện Y, tỉnh Nghệ An An (nay là xóm F, xã Q, tỉnh Nghệ An) là di sản của cụ Thái Duy Đ và cụ Thái Thị C để lại, chưa được định đoạt cho ai nên việc UBND huyện Y cấp GCNQSDĐ cho ông Thái T là gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đồng thừa kế khác. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc hủy GCNQSDĐ, số phát hành I 129821 do UBND huyện Y cấp ngày 12/4/1995 cho ông Thái T (T) là có căn cứ pháp luật.

[2.3] Diện tích thửa đất số 280, tờ bản đồ địa chính số 17 tại xóm F, xã X, huyện Y, tỉnh Nghệ An (nay là xóm F, xã Q, tỉnh Nghệ An) đo đạc theo hiện trạng thực tế 325,2m^2 là có thay đổi. Tuy nhiên, theo UBND xã X và các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền khác xác định diện tích có giảm đi do biến động trong quá trình sử dụng, do đo đạc của các bản đồ nhưng ranh giới với các hộ liền kề ổn

định, không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất nên bản án sơ thẩm xác định di sản thừa kế về đất của cụ Thái Duy Đ và cụ Thái Thị C theo hiện trạng thực tế tế 325,2m^2 là phù hợp.

[2.4] Đối với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và việc định giá thể hiện tại Biên bản định giá tài sản ngày 25/9/2023 của Hội đồng định giá do Toà án cấp sơ thẩm thành lập thực hiện đã được các bên đương sự tham gia chứng kiến, không ai có ý kiến khiếu nại, tố cáo hoặc yêu cầu định giá lại nên bản án sơ thẩm sử dụng làm căn cứ phân chia di sản thừa kế của cụ Thái Duy Đ và cụ Thái Thị C là có cơ sở.

[2.5] Bị đơn ông Thái Duy T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị K có công sức trong việc trông nom, giữ gìn di sản của cụ Thái Duy Đ và cụ Thái Thị C để lại. Do đó, bản án sơ thẩm trích công sức cho ông Thái Duy T và bà Phan Thị K tương đương một suất thừa kế đối với di sản được chia theo pháp luật là đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong vụ án.

[2.6] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Thái Duy T1 trình bày trong quá trình chung sống có công sức trong việc tăng giá trị thửa đất, yêu cầu được trích trả một phần công sức nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên bản án sơ thẩm không chấp nhận là phù hợp.

[2.7] Trên cơ sở di sản thừa kế, công sức quản lý di sản thừa kế, hiện trạng di sản thừa kế, nhà ở cùng các công trình xây dựng khác trên đất thừa kế, ý chí của những người được hưởng di sản thừa kế của cụ Thái Duy Đ và cụ Thái Thị C, hạn mức sử dụng đất của địa phương tỉnh Nghệ An. Xét thấy, bản án sơ thẩm chia di sản thừa kế của cụ Thái Duy Đ và cụ Thái Thị C theo pháp luật và chia di sản thừa kế của cụ Thái Duy Đ và cụ Thái Thị C bằng hiện vật cho các thừa kế được hưởng, được nhận sử dụng, đồng thời buộc các bên đương sự trích trả chênh lệch nhận tài sản là phù hợp và đảm bảo đúng pháp luật.

[3] Với các nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn ông Thái Duy T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

[4] Kháng cáo không được chấp nhận nhưng ông Thái Duy T là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn ông Thái Duy T. Giữ

nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2025/DS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

2. Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bị đơn ông Thái Duy T.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ 2-TANDTC;
- Viện CT&KSXXPT tại Hà Nội, VKSNDTC;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HSVA, VPTA.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Tiến Dũng